CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 114/QĐ-CĐVHNT ngày 01/92021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đắk Lắk)

Tên ngành, nghề: THANH NHẠC

Mã ngành, nghề: 6210225

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 03 năm học

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Thanh nhạc trình độ cao đẳng nhằm đào tạo ca sĩ chuyên nghiệp, thực hiện biểu diễn các bài hát bằng giọng ca của bản thân mình với nhiều dòng nhạc, thể loại âm nhạc như: Cổ điển, dân ca, trữ tình, cách mạng, nhạc đại chúng (nhạc nhẹ) như pop, rock, jazz, ballad, dance, rapper, r&b…, đáp ứng được yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

+ Xác định được vị trí, vai trò của ca sỹ tham gia biểu diễn trong các chương trình nghệ thuật, những ảnh hưởng, tác động của nghệ thuật đối với kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội;

+ Phân tích được những kiến thức cơ bản về lịch sử âm nhạc Việt Nam và thế giới, các kiến thức cơ sở ngành âm nhạc như xướng âm, ghi âm, hòa thanh…;

+ Phân tích được kiến thức có hệ thống và cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc, hiểu biết các phương pháp hát từ cổ điển, dân ca và đương đại;

+ Xác định được các kiến thức, kỹ thuật chuyên ngành để luyện tập, xây dựng tác phẩm thanh nhạc đạt yêu cầu đề ra;

+ Trình bày được các kỹ thuật thể hiện tác phẩm thanh nhạc như: Aria, Romance, tổ khúc, ca khúc, hợp xướng...;

+ Trình bày được các hình thức nghệ thuật liên quan đến ngành, nghề như nghệ thuật trình diễn sân khấu, nghệ thuật múa, nghệ thuật trang điểm, trang phục...;

+ Phân tích được các hình thức trình diễn trên sân khấu, vị trí vai trò của ca sỹ trên sân khấu tùy theo từng thể loại âm nhạc, chương trình biểu diễn nghệ thuật cụ thể;

+ Trình bày được phương pháp lựa chọn các loại trang thiết bị, công cụ âm thanh chuyên dụng, các loại nhạc cụ chủ yếu trong trình diễn và giải thích công dụng của chúng;

+ Trình bày được các biện pháp đảm bảo an toàn cho dụng cụ, thiết bị và người tham gia biểu diễn;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

- Về kỹ năng:

+ Ứng dụng được các kỹ thuật cơ bản và có hệ thống của ngành, nghề; thực hiện được các phương pháp hát từ cổ điển, dân ca và đương đại;

+ Biểu diễn được các tác phẩm thanh nhạc như: Romance, tổ khúc, ca khúc dân ca, ca khúc đương đại với các hình thức hát đơn ca, tốp ca, hợp xướng... bằng các kỹ thuật, kỹ năng cơ bản theo yêu cầu;

+ Tự luyện thanh, vỡ bài hát, phối bè, hát đơn ca, hát nhóm…;

+ Xây dựng được tác phẩm thanh nhạc với nhiều phong cách khác nhau;

+ Rèn luyện khả năng diễn xuất, làm chủ sân khấu theo nội dung tác phẩm thanh nhạc;

+ Thực hiện được kỹ thuật diễn xuất nội tâm và hình thể; giải phóng cơ thể khi hát và diễn;

+ Sử dụng được một loại nhạc cụ để đệm hát hoặc diễn tấu những đoạn nhạc đơn giản;

+ Ứng dụng được kỹ năng phân tích âm nhạc, phối bè đơn giản;

+ Sử dụng thành thạo các trang thiết bị âm thanh dùng cho hát như micro, phần mềm âm nhạc;

+ Chọn đúng, đầy đủ được các loại trang thiết bị, công cụ âm thanh chuyên dụng, các loại nhạc cụ chủ yếu trong trình diễn;

+ Tổ chức, sắp xếp được các biện pháp đảm bảo an toàn cho dụng cụ, thiết bị và người tham gia biểu diễn;

+ Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

+ Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức tự học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật, trách nhiệm và phương pháp làm việc khoa học;

+ Hoạt động độc lập, tiếp thu và học hỏi có chọn lọc, sáng tạo trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật;

+ Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

+ Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc;

+ Đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

+ Giao tiếp lịch sự, văn minh thanh lịch với công chúng khán giả, đồng nghiệp và nhà tuyển dụng lao động.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Hát thính phòng;

- Hát dân ca;

- Hát nhạc đại chúng (nhạc nhẹ);

- Hát bè, hát tốp ca, hợp xướng;

- Hướng dẫn thực hành thanh nhạc;

- Tổ chức phong trào văn hóa nghệ thuật.

- Người học sau khi tốt nghiệp thường được bố trí làm việc tại các chương trình nghệ thuật trình diễn (chương trình ca múa nhạc tổng hợp, chương trình truyền hình âm nhạc); các chương trình lễ hội, festival trong nước và quốc tế; các chương trình biểu diễn phục vụ chính trị, tiếp đón khách quốc tế của địa phương, Nhà nước, các chương trình tư nhân đầu tư theo đơn đặt hàng…; ca sĩ tự do hoạt động trong các bar, phòng trà, các khách sạn du lịch cao cấp, chương trình tổ chức sự kiện giới thiệu quảng cáo sản phẩm của các doanh nghiệp; thu âm, ghi hình trong các cơ sở kinh doanh băng đĩa của Nhà nước và tư nhân...; hướng dẫn thực hành thanh nhạc, dạy âm nhạc và các hoạt động dàn dựng, trình diễn, biên tập ca nhạc tại các trường đào tạo thanh nhạc trình độ trung cấp, các trường phổ thông hoặc các trung tâm âm nhạc, nhà văn hóa tùy theo nhu cầu tuyển dụng.

- Khả năng học tập, nâng cao trình độ: Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học:

- Số lượng môn học: 41

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2535 giờ (105 Tín chỉ)

- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2100 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 783 giờ (30,89%); Thực hành, thực tập, kiểm tra: 1752 giờ (69,11%)

3. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi/ kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**20**	**435**	**157**	**255**	**23**
MH 01	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	6	120	42	72	6
II	**Các môn học chuyên môn**	**77**	**1740**	**626**	**998**	**116**
II.1	*Môn học cơ sở*	*47*	*900*	*431*	*409*	*60*
MH 07	Nhạc lý cơ bản 1	4	60	40	16	4
MH 08	Nhạc lý cơ bản 2	2	30	20	8	2
MH 09	Ký xướng âm 1	2	60	5	51	4
MH 10	Ký xướng âm 2	2	60	5	51	4
MH 11	Ký xướng âm 3	2	60	5	51	4
MH 12	Ký xướng âm 4	2	60	5	51	4
MH 13	Hòa âm 1	4	60	45	11	4
MH 14	Hòa âm 2	4	60	45	11	4
MH 15	Hình thức âm nhạc	4	60	40	16	4
MH 16	Phân tích tác phẩm âm nhạc	3	60	20	36	4
MH 17	Lịch sử âm nhạc phương Tây	4	60	51	5	4
MH 18	Lịch sử âm nhạc phương Đông	4	60	51	5	4
MH 19	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	4	60	51	5	4
MH 20	Tin học âm nhạc	2	60	15	41	4
MH 21	Âm nhạc dân gian Tây Nguyên 1	2	30	25	3	2

MH 22	Âm nhạc dân gian Tây Nguyên 2	2	60	8	48	4
II.2	*Môn học chuyên môn*	*30*	*840*	*195*	*589*	*56*
MH 23	Thanh nhạc 1	1	30	5	23	2
MH 24	Thanh nhạc 2	1	30	5	23	2
MH 25	Thanh nhạc 3	1	30	5	23	2
MH 26	Thanh nhạc 4	1	30	5	23	2
MH 27	Thanh nhạc 5	1	30	5	23	2
MH 28	Thanh nhạc 6	1	30	5	23	2
MH 29	Thực hành biểu diễn nhạc nhẹ 1	2	60	10	46	4
MH 30	Thực hành biểu diễn nhạc nhẹ 2	2	60	10	46	4
MH 31	Hát dân ca 1	2	60	15	41	4
MH 32	Hát dân ca 2	2	60	15	41	4
MH 33	Hợp xướng	2	60	10	46	4
MH 34	Kỹ thuật diễn viên	2	60	10	46	4
MH 35	Piano 1	1	30	5	23	2
MH 36	Piano 2	1	30	5	23	2
MH 37	Đệm Piano 1	1	30	10	18	2
MH 38	Đệm Piano 2	1	30	10	18	2
MH 39	Thực hành vũ đạo	2	60	10	46	4
MH 40	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	2	60	10	46	4
MH 41	Kỹ năng mềm	4	60	45	11	4
III	**Thực tập**	**8**	**360**		**352**	**8**
	Tổng cộng:	**105**	**2535**	**783**	**1605**	**147**

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Các môn học chung thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, bao gồm:

- Giáo dục chính trị (Mã số: MH 01):

Thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Pháp luật (Mã số: MH 02):

Thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục thể chất (Mã số: MH 03):

Thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục quốc phòng và an ninh (Mã số: MH 04):

Thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Tin học (Mã số: MH 05):

Thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Tiếng Anh (Mã số: MH 06):

Thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

4.2. Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khoá:

- Nội dung: Tham gia biểu diễn trong các chương trình ca múa nhạc ngày lễ, tết; phục vụ nhiệm vụ chính trị; phục vụ đồng bào các dân tộc thiểu số các xã, buôn, làng vùng sâu, vùng xa; biểu diễn tại các tụ điểm ca nhạc.

- Thời gian: Thực hiện theo kế hoạch tổ chức của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội sinh viên; kế hoạch biểu diễn của khoa, trường.

4.3. Tổ chức kiểm tra, thi hết môn học:

Thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

4.4. Thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo Cao đẳng Thanh nhạc và có đủ điều kiện theo quy định sẽ được dự thi tốt nghiệp.

- Nội dung thi tốt nghiệp:

Môn thi 1: Giáo dục chính trị

+ Hình thức thi: Thi viết

+ Thời gian làm bài: 120 phút

Môn thi 2: Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp

Nội dung kiến thức tổng hợp các môn học: Nhạc lý cơ bản; Hình thức âm nhạc; Phân tích tác phẩm âm nhạc.

+ Hình thức thi: Thi viết

+ Thời gian làm bài: 150 phút

Môn thi 3: Thực hành nghề nghiệp

Nội dung: Biểu diễn Thanh nhạc

+ Hình thức thi: Thực hành biểu diễn

+ Thời gian: 35 phút/1 sinh viên.

+ Mỗi sinh viên biểu diễn 06 tác phẩm thanh nhạc, gồm các thể loại âm nhạc như: Cổ điển, dân ca, trữ tình, cách mạng, nhạc đại chúng (nhạc nhẹ) như pop, rock, jazz, ballad, dance, rapper, r&b…

- Sinh viên đã hoàn thành chương trình đào tạo, thi tốt nghiệp đạt yêu cầu thì được xét công nhận tốt nghiệp và được Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đắk Lắk cấp Bằng tốt nghiệp cao đẳng và công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành.

4.5. Các chú ý khác:

4.5.1. Mô tả nội dung các môn học chuyên môn làm cơ sở để xây dựng chương trình môn học:

- Nhạc lý cơ bản 1, 2 (Mã số: MH 07→MH 08):

+ Điều kiện tiên quyết: không

+ Nội dung: Môn học Nhạc lý cơ bản 1, 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung về hệ thống các nhân tố cơ bản như: cao độ, trường độ, tiết tấu, tiết nhịp và loại nhịp, nhịp độ, quãng, điệu thức và giọng, hợp âm, quan hệ họ hàng giữa các giọng, cách xác định giọng, cách chuyển giọng, dịch giọng, kí hiệu cách diễn tấu, các dạng âm tô điểm.

- Ký xướng âm 1, 2, 3, 4 (Mã số: MH 09→MH 12):

+ Điều kiện tiên quyết: không

+ Nội dung: Môn học Ký xướng âm 1, 2, 3, 4 cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản sau:

Về ghi âm: Cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ năng ghi âm cho sinh viên: ghi cao độ trên các khoá sol, khoá fa. Ghi các loại âm hình tiết tấu, các loại nhịp; ghi trí nhớ, xác định giọng; ghi quãng hoà thanh hai bè; giới thiệu về ghi công năng hoà âm.

Về xướng âm: Bao gồm nhiều hình thức đọc nhạc như: xướng âm một bè, xướng âm hai bè, xướng âm hợp âm rải. Xướng âm các loại quãng. Xướng âm các bài trên các loại điệu thức 7 âm, 5 âm, gam diatonic. Xướng âm các loại quãng,

đọc gam theo lối mô tiến, hát lời trực tiếp sau khi đọc nhạc bằng mắt. Đọc xướng âm kết hợp tập gõ tiết tấu hoặc tự đệm đàn Piano.

- Hòa âm 1, 2 (Mã số: MH 13→MH 14):

+ Điều kiện tiên quyết: không

+ Nội dung: Môn học Hòa âm 1, 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: nối tiếp hòa âm các hợp âm diatonic trong các bài đã cho sẵn giai điệu hoặc bè trầm ở hình thức một đoạn nhạc; kỹ năng phân tích các công năng hòa âm trong các tác phẩm cổ điển và lãng mạn. Giúp cho sinh viên những khả năng cần thiết trong môn học hình thức âm nhạc: khi nhìn vào tác phẩm có thể phân biệt được những chỗ ngắt câu, đoạn trên cơ sở căn cứ vào những vòng hòa âm kết. Có thể xây dựng những tiến hành hòa âm làm cơ sở cho việc phối hòa âm cho ca khúc.

- Hình thức âm nhạc (Mã số: MH 15):

+ Điều kiện tiên quyết : Nhạc lý cơ bản

+ Nội dung: Môn học Hình thức âm nhạc nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về những hình thức âm nhạc mẫu mực đã được định hình trong thời kỳ âm nhạc cổ điển như: một đoạn đơn, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn, ba đoạn phức, rondo, biến tấu, sonate. Môn học nhằm giúp sinh viên biết phân tích một tác phẩm viết cho piano, hoặc thanh nhạc, hoặc một nhạc cụ độc tấu của các tác giả tiêu biểu của Việt Nam, hoặc của các tác giả châu Âu trên các phương diện: sơ đồ điệu tính, lối tiến hành kết, mối quan hệ về chất liệu chủ đề, cách phân ngắt câu, đoạn. Thông qua môn học, học sinh sẽ có được những kỹ năng cơ bản về phân tích một tác phẩm ở các hình thức đã học.

- Phân tích tác phẩm âm nhạc (Mã số: MH 16):

+ Điều kiện tiên quyết: Hình thức âm nhạc

+ Nội dung: những kiến thức cơ bản về hình thức âm nhạc, những đặc điểm về thể loại, cấu trúc, phong cách sáng tác của từng thời kỳ và của một số tác giả điển hình. Thông qua tác phẩm tiêu biểu, sinh viên nắm vững những nguyên tắc chung trong phương pháp phân tích tác phẩm, những đặc điểm cơ bản phân biệt hình thức, thể loại và cách xây dựng chủ đề, xác định chức năng từng phần trong cấu trúc âm nhạc thời kỳ Baroque, thời kỳ Cổ điển và thời kỳ Lãng mạn.

- Lịch sử âm nhạc phương Tây (Mã số: MH 17):

+ Điều kiện tiên quyết: không

+ Nội dung: những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của nền âm nhạc châu Âu từ thời kỳ cổ đại cho tới nửa đầu thế kỷ XIX. Từ đó, sinh viên nắm được những đặc điểm chính về phong cách, quan điểm thẩm mỹ cũng như bút pháp sáng tác trong từng thời kỳ, từng trường phái âm nhạc thông qua các nhạc sỹ tiêu biểu.

- Lịch sử âm nhạc phương Đông (Mã số: MH 18):

+ Điều kiện tiên quyết: không

+ Nội dung: những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển âm nhạc phương Đông từ thời nguyên thuỷ, cổ đại đến thời cận đại; về thể loại và những đặc trưng cơ bản trong âm nhạc các nước, các dân tộc, các khu vực thuộc phạm vi phương Đông: âm nhạc Trung Quốc, âm nhạc Ấn Độ, âm nhạc bán đảo Triều Tiên, âm nhạc Nhật Bản, âm nhạc khu vực Đông Nam Á

- Lịch sử âm nhạc Việt Nam (Mã số: MH 19):

+ Điều kiện tiên quyết: không

+ Nội dung: những kiến thức cơ bản về lịch sử âm nhạc Việt Nam từ thời đại Hùng Vương đến nay, bao gồm các nội dung: âm nhạc Việt Nam thời đại Hùng Vương và thời Bắc Thuộc (từ cuối thế kỷ III trước Công nguyên đến thế kỷ X sau Công nguyên); âm nhạc Việt Nam thời phong kiến (từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX); âm nhạc Việt Nam thời Pháp thuộc (từ cuối thế kỷ XIX đến cách mạng tháng 8 năm 1945); âm nhạc Việt Nam từ Cách mạng tháng 8 năm 1945 cho đến nay.

- Tin học âm nhạc (Mã số: MH 20):

+ Điều kiện tiên quyết: Tin học

+ Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng khai thác, sử dụng phần mềm Encore để chép nhạc hoặc nghe nhạc phối mẫu. Ứng dụng được kiến thức của môn học vào việc chép nhạc cho các ca khúc không có hoặc có phần nhạc đệm, hợp xướng, tổng phổ, độc tấu, hoà tấu. Ngoài ra, thông qua các giờ lý thuyết, thực hành và thảo luận trên lớp. Sự hướng dẫn của giảng viên và tự học ở nhà. Sinh viên sẽ có kỹ năng học tập độc lập và tự chủ, tự học thêm về các phần mềm ứng dụng khác trong âm nhạc như Finale, Sibelius...

- Âm nhạc dân gian Tây Nguyên 1, 2 (Mã số: MH 21→MH 22):

+ Điều kiện tiên quyết: Không

+ Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa dân gian Tây Nguyên, âm nhạc dân gian của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên; kỹ năng thực hành hát dân ca của các tộc người Tây Nguyên, kỹ năng cơ bản sử dụng một số nhạc cụ truyền thống của người Tây Nguyên.

- Thanh nhạc 1, 2, 3, 4, 5, 6 (Mã số: MH 23→MH 28):

+ Điều kiện tiên quyết: không

+ Nội dung: Thanh nhạc 1, 2, 3, 4, 5, 6 là môn học chuyên ngành chính, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thanh nhạc học, từng bước nắm được những thói quen đúng: kỹ năng lấy hơi, mở khẩu hình, hát chuyển giọng, phát triển sự linh hoạt của giọng hát, giữ vị trí âm thanh; những kiến thức nghệ thuật cơ bản về thể hiện tác phẩm và phong cách biểu diễn. Sinh viên có kỹ năng biểu diễn các thể loại dân ca Việt Nam, ca khúc nghệ thuật Việt Nam, ca khúc cổ điển nước ngoài, ca khúc nhạc nhẹ Việt Nam, Aria nước ngoài hoặc Việt Nam; trình diễn hát đơn ca, song ca, tốp ca, hợp xướng, lĩnh xướng hợp xướng.

- Thực hành biểu diễn nhạc nhẹ 1, 2 (Mã số: MH 29→MH 30):

+ Điều kiện tiên quyết: Không

+ Nội dung: Môn học Thực hành biểu diễn nhạc nhẹ 1, 2 trang bị cho sinh viên chuyên ngành thanh nhạc những kiến thức cơ bản về phương pháp biểu hiện, quy tắc thực hành của sân khấu, phát triển kỹ thuật diễn xuất hát với ban nhạc điện tử. Sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng thể hiện nội tâm, tình cảm phù hợp với nội dung các ca khúc nhạc nhẹ, kỹ năng giải phóng hình thể khi hát.

- Hát dân ca 1, 2 (Mã số: MH 31→MH 32):

+ Điều kiện tiên quyết: Không

+ Nội dung: Môn học Hát dân ca nhằm giúp sinh viên thanh nhạc được tiếp cận trực tiếp với âm nhạc dân gian Việt Nam. Kết thúc môn học, sinh viên có thể nhận biết được sự khác nhau về phong cách dân ca các vùng miền, biết hát đúng phong cách các bài dân ca tiêu biểu của các vùng, miền. Sinh viên có kỹ năng hát đúng phong cách các bài dân ca tiêu biểu của các vùng, miền tiêu biểu: Trung du Bắc bộ, đồng bằng Bắc bộ, Nam bộ, Trung bộ, một số các dân tộc thiểu số tiêu biểu.

- Hợp xướng (Mã số: MH 33):

+ Điều kiện tiên quyết: Không

+ Nội dung: Môn học Hợp xướng nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản hát hợp xướng trên cơ sở phương pháp khoa học phát triển giọng hát, đáp ứng những yêu cầu của tác phẩm hợp xướng có dàn nhạc đệm và không có dàn nhạc đệm. Môn học còn hỗ trợ cho kỹ năng xướng âm, tai nghe và ý thức tập thể trong hoạt động nghệ thuật.

- Kỹ thuật diễn viên (Mã số: MH 34):

+ Điều kiện tiên quyết: Không

+ Nội dung: Những kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp biểu hiện, quy tắc thực hành của sân khấu; phát triển kỹ thuật diễn xuất.

- Piano 1, 2 (Mã số: MH 35→MH 36):

+ Điều kiện tiên quyết: không

+ Nội dung: Môn học Piano cơ bản 1, 2 giúp sinh viên thanh nhạc nắm được kiến thức cơ bản về sự chuyên nghiệp và sự hợp lý của ngón tay khi đánh đàn phím, kiến thức về sự phát triển dần dần liên tục của việc tập luyện đàn piano. Sinh viên rèn luyện được các kỹ năng đánh đàn piano với từng tay (phải - trái) độc lập và kết hợp cả hai tay, hoàn thành các gam cơ bản trên đàn piano và một số Etude cho piano.

- Đệm Piano 1, 2 (Mã số: MH 37→MH 38):

+ Điều kiện tiên quyết: Piano 1, 2

+ Nội dung: Môn học luyện tập cho sinh viên kỹ thuật chơi đàn khi đệm hát, kỹ năng thực hành ứng dụng một số tiết điệu âm nhạc cơ bản trên đàn piano, từ đó giúp sinh viên hình thành kỹ năng soạn và đệm đàn piano cho một ca khúc hoàn chỉnh.

- Thực hành vũ đạo (Mã số: MH 39):

+ Điều kiện tiên quyết: không

+ Nội dung: Môn học Thực hành vũ đạo nhằm thực hành luyện tập cho sinh viên một số vũ đạo căn bản, hiện đại, giúp cho sinh viên giải phóng hình thế khi biểu diễn ca nhạc, làm chủ sân khấu biểu diễn.

- Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp (Mã số: MH 40):

+ Điều kiện tiên quyết: Không

+ Nội dung: Những kiến thức và kỹ năng về phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp (Ca - Múa - Nhạc)

- Kỹ năng mềm (Mã số: MH 41):

+ Điều kiện tiên quyết: Không

+ Nội dung: Môn học trang bị năng lực về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học, kỹ năng thích nghi, kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả và kỹ năng tìm việc làm cho sinh viên trước khi sinh viên ra trường.

4.5.2. Một số trọng tâm cần chú ý:

Chương trình đào tạo Cao đẳng Thanh nhạc là chương trình đào tạo tài năng trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, giờ lên lớp là giờ giảng tích hợp giữa lý thuyết và thực hành. Để đảm bảo chất lượng theo đúng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, một số môn học đặc thù được quy định như sau:

- Chuyên ngành Thanh nhạc: Là môn học chuyên ngành chính, thực hành cá nhân 01 sinh viên. Giảng dạy theo nguyên tắc thầm thấu, dần dần, liên tục. Mỗi tuần lên lớp 2 giờ học, mỗi giờ học cách nhau ít nhất 2 ngày để sinh viên có thời gian luyện tập bài luyện thanh và ca khúc.

* Bố trí giờ đệm đàn cho thi học kỳ và thi tốt nghiệp như sau:

Học kỳ I: 2 giờ/1 sinh viên; Học kỳ II: 2 giờ/1 sinh viên;

Học kỳ III: 3 giờ/1 sinh viên; Học kỳ IV: 3 giờ/1 sinh viên;

Học kỳ V: 4 giờ/1 sinh viên; Học kỳ VI: 4 giờ/1 sinh viên

Thi tốt nghiệp: 6 giờ/1 sinh viên.

- Thực hành biểu diễn nhạc nhẹ: Giảng dạy theo nguyên tắc thầm thấu, dần dần, liên tục. Mỗi tuần lên lớp 4 giờ học để sinh viên có thời gian luyện tập. Trang thiết bị phục vụ cho môn học gồm: Phòng học với dàn âm thanh và nhạc cụ điện tử như Trống Jazz, Guitar Bass, Guitar Solo, Organ. Giáo viên hướng dẫn có thể sử dụng đĩa CD nhạc hoặc nhạc Beat để thay thế dàn nhạc đệm.

- Môn học đàn Piano: Là môn học thực hành cá nhân 01 sinh viên. Giảng dạy theo nguyên tắc thầm thấu, dần dần, liên tục. Mỗi tuần lên lớp 2 giờ học, mỗi giờ học cách nhau ít nhất 2 ngày để sinh viên có thời gian luyện tập.

- Thực tập: Quy định 1 tín chỉ = 45 giờ (tương đương 01 Tuần)

Sinh viên tham gia thực tập biểu diễn trong các chương trình nghệ thuật do nhà trường tổ chức hoặc tại các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp trong tỉnh và khu

vực hoặc các trung tâm văn hóa nghệ thuật, trong học kỳ V, VI; tổng thời gian thực tập là 8 tuần.

Hình thức thi tốt nghiệp chuyên ngành Thanh nhạc: Sinh viên biểu diễn trực tiếp trước Hội đồng Giám khảo, chương trình biểu diễn tốt nghiệp thời gian tối thiểu 35 phút/1 sinh viên.

Để thực hiện công tác đào tạo khoa học, đảm bảo chất lượng theo mục tiêu đào tạo, Nhà trường quy định triển khai thực hiện tại 02 phụ lục đính kèm, gồm:

- Phụ lục 01: Phân kỳ đào tạo;

- Phụ lục 02: Quy định Lớp chuẩn các môn học chuyên môn.

Phụ lục 01

PHÂN KỲ ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG THANH NHẠC

HỌC KỲ I				HỌC KỲ II			
TT	**Môn học**	**TC**	**Giờ**	**TT**	**Môn học**	**TC**	**Giờ**
1	Tiếng Anh 1	3	60	1	Tiếng Anh 2	3	60
2	Giáo dục thể chất 1	1	30	2	Giáo dục thể chất 2	1	30
3	Tin học	3	75	3	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75
4	Nhạc lý cơ bản 1	4	60	4	Pháp luật	2	30
5	Ký xướng âm 1	2	60	5	Nhạc lý cơ bản 2	2	30
6	Thanh nhạc 1	1	30	6	Ký xướng âm 2	2	60
7	Piano 1	1	30	7	Thanh nhạc 2	1	30
8	Lịch sử âm nhạc phương Tây	4	60	8	Piano 2	1	30
9				9	Lịch sử âm nhạc phương Đông	4	60
10				10	Thực hành vũ đạo	2	60
	Tổng cộng:	**19**	**405**		**Tổng cộng:**	**21**	**465**
HỌC KỲ III				**HỌC KỲ IV**			
TT	**Môn học**	**TC**	**Giờ**	**TT**	**Môn học**	**TC**	**Giờ**
1	Ký xướng âm 3	2	60	1	Ký xướng âm 4	2	60
2	Hòa âm 1	4	60	2	Hòa âm 2	4	60
3	Thanh nhạc 3	1	30	3	Thanh nhạc 4	1	30
4	Đệm Piano 1	1	30	4	Đệm Piano 2	1	30
5	Hát dân ca 1	2	60	5	Hát dân ca 2	2	60
6	Tin học âm nhạc	2	60	6	Hợp xướng	2	60
7	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	4	60	7	Kỹ thuật diễn viên	2	60
8	Dàn dựng CTNT tổng hợp	2	60	8	Hình thức âm nhạc	4	60
	Tổng cộng:	**18**	**420**		**Tổng cộng:**	**18**	**420**
HỌC KỲ V				**HỌC KỲ VI**			
TT	**Môn học**	**TC**	**Giờ**	**TT**	**Môn học**	**TC**	**Giờ**
1	Kỹ năng mềm	3	60	1	Giáo dục chính trị	4	75
2	Thanh nhạc 5	1	30	2	Thanh nhạc 6	1	30
3	Phân tích tác phẩm âm nhạc	3	60	3	Thực hành biểu diễn nhạc nhẹ 2	2	60
4	Thực hành biểu diễn nhạc nhẹ 1	2	60	4	Âm nhạc dân gian Tây Nguyên 2	2	60
5	Âm nhạc dân gian Tây Nguyên 1	2	30	5	Thực tập 2 (4 Tuần)	4	180
6	Thực tập 1 (4 Tuần)	4	180				
	Tổng cộng:	**15**	**420**		**Tổng cộng:**	**13**	**405**

Phụ lục 02

QUY ĐỊNH LỚP CHUẨN CÁC MÔN HỌC CHUYÊN MÔN

Mã MH	Môn học	Số giờ	Lớp chuẩn	Phân bổ học tập
MH 07	Nhạc lý cơ bản 1	60	30	4 giờ/Tuần
MH 08	Nhạc lý cơ bản 2	30	30	2 giờ/Tuần
MH 09	Ký xướng âm 1	60	30	4 giờ/Tuần
MH 10	Ký xướng âm 2	60	30	4 giờ/Tuần
MH 11	Ký xướng âm 3	60	30	4 giờ/Tuần
MH 12	Ký xướng âm 4	60	30	4 giờ/Tuần
MH 13	Hòa âm 1	60	30	4 giờ/Tuần
MH 14	Hòa âm 2	60	30	4 giờ/Tuần
MH 15	Hình thức âm nhạc	60	30	4 giờ/Tuần
MH 16	Phân tích tác phẩm âm nhạc	60	30	4 giờ/Tuần
MH 17	Lịch sử âm nhạc phương Tây	60	30	4 giờ/Tuần
MH 18	Lịch sử âm nhạc phương Đông	60	30	4 giờ/Tuần
MH 19	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	60	30	4 giờ/Tuần
MH 20	Tin học âm nhạc	60	30	4 giờ/Tuần
MH 21	Âm nhạc dân gian Tây Nguyên 1	30	30	2 giờ/Tuần
MH 22	Âm nhạc dân gian Tây Nguyên 2	60	18	4 giờ/Tuần
MH 23	Thanh nhạc 1	30	01	2 giờ/Tuần
MH 24	Thanh nhạc 2	30	01	2 giờ/Tuần
MH 25	Thanh nhạc 3	30	01	2 giờ/Tuần
MH 26	Thanh nhạc 4	30	01	2 giờ/Tuần
MH 27	Thanh nhạc 5	30	01	2 giờ/Tuần
MH 28	Thanh nhạc 6	30	01	2 giờ/Tuần
MH 29	Thực hành biểu diễn nhạc nhẹ 1	60	10	4 giờ/Tuần
MH 30	Thực hành biểu diễn nhạc nhẹ 2	60	10	4 giờ/Tuần
MH 31	Hát dân ca 1	60	18	4 giờ/Tuần
MH 32	Hát dân ca 2	60	18	4 giờ/Tuần
MH 33	Hợp xướng	60	30	4 giờ/Tuần
MH 34	Kỹ thuật diễn viên	60	30	4 giờ/Tuần
MH 35	Piano 1	30	02	2 giờ/Tuần
MH 36	Piano 2	30	02	2 giờ/Tuần

MH 37	Đệm Piano 1	30	02	2 giờ/Tuần
MH 38	Đệm Piano 2	30	02	2 giờ/Tuần
MH 39	Thực hành vũ đạo	60	18	4 giờ/Tuần
MH 40	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	60	30	4 giờ/Tuần
MH 41	Kỹ năng mềm	60	30	4 giờ/Tuần